

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP HỒ CHÍ MINH**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

# **Lý luận chung về pháp luật hợp đồng**

**TP. HỒ CHÍ MINH 2023**

**Khóa đào tạo:** Thạc sỹ Luật học

**Môn học:** Lý luận chung về hợp đồng

**Mã môn học:**

**Số tín chỉ:** 02 tín chỉ

**Học kỳ:**

**Môn học:** **Bắt buộc**

**Tự chọn**

### 1. Thông tin về giảng viên giảng dạy :

- Đỗ Văn Đại và Lê Trường Sơn

- Email: [dvdai@hcmulaw.edu.vn](mailto:dvdai@hcmulaw.edu.vn), [ltson@hcmulaw.edu.vn](mailto:ltson@hcmulaw.edu.vn)

- Điện thoại: 0913018601

### 2. Các môn học tiên quyết :

- Triết học

- Logic học

### 3. Các môn học kế tiếp: Cơ sở chuyên ngành tự chọn và bắt buộc

### 4. Mục tiêu chung của môn học

**4.1 Mục tiêu nhận thức:** Sau khi kết thúc thành công môn học, học viên có thể:

#### Về kiến thức:

- Nắm được phương pháp nghiên cứu và vị trí của môn học.
- Nhận thức được tầm quan trọng và vị trí của pháp luật về **hợp đồng**
- Nắm được quá trình phát triển của pháp luật về **hợp đồng**
- Nội dung cụ thể của pháp luật **về hợp đồng**
- Đề xuất các giải pháp đề áp và kiến nghị lập pháp về pháp luật **về hợp đồng**

#### ❖ **Kỹ năng:**

- Hình thành kỹ năng thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin từ các nguồn khác nhau liên quan đến pháp luật **về hợp đồng**
- Có kỹ năng phân tích, bình luận, đánh giá và so sánh giữa pháp luật về hợp đồng với pháp luật **về thi hành án hình sự n** tại Việt Nam và giữa Việt

Nam với các nước

- Có khả năng vận dụng những tri thức đã được học vào việc nghiên cứu pháp luật **về hợp đồng** và những vấn đề có mối liên quan trong chương trình đào tạo.
- Nhận xét, đánh giá từ góc độ lý luận và thực tiễn về pháp luật **về hợp đồng** và đưa ra các ý kiến cá nhân về các giải pháp pháp lý đối với các vấn đề trên cũng như kiến nghị về mặt lập pháp để hoàn thiện

❖ **Thái độ:**

- Nhận thức đúng đắn, khách quan, toàn diện về vai trò của pháp luật **về hợp đồng**
- Nâng cao trình độ nhận thức về pháp luật **về hợp đồng** và khả năng ứng dụng chế độ này trong việc hành nghề luật
- Đề xuất các giải pháp để ứng dụng và hoàn thiện pháp luật về hợp đồng

**Các mục tiêu khác:**

- Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm
- Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi
- Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá
- Góp phần rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập

**5. Mục tiêu nhận thức chi tiết:**

- Nhận biết quá trình hình thành và phát triển của pháp luật **về hợp đồng**
- Nội dung của pháp luật **về hợp đồng**
- Đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật **về hợp đồng** trong việc bảo vệ quyền công dân và áp dụng pháp luật của các cơ quan nhà nước
- Trên nền tảng các quy định của pháp luật **về hợp đồng** thực trạng áp dụng đưa ra các kiến nghị có ý nghĩa về mặt lập pháp để hoàn thiện.

**6. Tóm tắt nội dung : Môn học có 02 tín chỉ bao gồm :**

**Phần I: Nguồn pháp luật điều chỉnh hợp đồng**

\*\*\*\*\*

**Chủ đề 1 : Áp dụng Luật có hiệu lực tại thời điểm giao kết hợp đồng**

**Nghiên cứu :** Quyết định số 07/2008/KDTM-GĐT ngày 30/9/2008 của Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tối cao.

## **Chủ đề 2 : Áp dụng Luật có hiệu lực sau thời điểm giao kết hợp đồng**

### ***Nghiên cứu :***

- Quyết định số 01/2006/KDTM-GĐT ngày 4/4/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*theo quy định của Luật*);
- Quyết định số 171/2020/DS-GĐT ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh; Quyết định số 23/2008/DS-GĐT ngày 28/8/2008 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Án lệ số 55/2023/AL (*áp dụng pháp luật mềm dẻo hơn*).

## **Chủ đề 3 : Tầm quan trọng của BLDS**

### ***Nghiên cứu***

- Điều 1 BLDS năm 1995; Điều 1, 168 và 439 BLDS 2005; Điều 1 BLDS 2015;
- Bản án số 03/2022/KDTM-PT ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (*khi luật chuyên ngành không quy định*);
- Quyết định số 13/2022/HĐTP-KDTM ngày 12/12/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số 12/2019/KDTM-GĐT ngày 24/9/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao (*áp dụng BLDS căn cứ vào bản chất của quan hệ*).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức 2023 (xuất bản lần thứ 4), phần số 15 và 16.

## **Chủ đề 4 : Nguyên tắc cơ bản điều chỉnh hợp đồng**

### ***Nghiên cứu***

- Điều 4 và tiếp theo BLDS 2005; Điều 3 BLDS 2015 ;
- Quyết định số 82/GĐT-DS ngày 30/6/2004 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao.

**Đọc :** Đỗ Văn Đại (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức 2023 (xuất bản lần thứ 4), phần số 19 và tiếp theo.

## **Phần II: Giao kết hợp đồng**

\*\*\*\*\*

### **Chủ đề 1 : Đề nghị và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng**

#### ***Nghiên cứu:***

- Điều 2:201 và 2:204 Bộ nguyên tắc châu Âu về hợp đồng
- Điều 2.1.2 và 2.1.6 Bộ Nguyên tắc Unidroit về hợp đồng thương mại quốc tế;
- Điều 386 và Điều 393 BLDS 2015 (Việt Nam);
- Bản án số 37/2015/KDTM-ST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai;
- Án lệ số 04/2016/AL.

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (xuất bản lần thứ chín), Bản án số 1-3, 4-6.

Hoàng Thế Liên (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS năm 2005*, Tập II, Nxb. CTQG 2013, tr. 209 và tiếp theo; và các tài liệu liên quan khác (nếu có);

Đỗ Văn Đại (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức 2023 (xuất bản lần thứ 4), phần số 330 và tiếp theo.

**Cho biết:**

- Những điểm giống và khác nhau cơ bản giữa pháp luật Việt Nam (văn bản và thực tiễn xét xử) và hai Bộ nguyên tắc trên về đề nghị giao kết hợp đồng và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng;
- Suy nghĩ của anh/chị về những điểm khác nhau trên.

**Chủ đề 2 : Giao kết hợp đồng có điều kiện phát sinh**

**Nghiên cứu:**

- Điều 125BLDS 2005, Điều 120 BLDS 2015;
- Bản án số 284/2011/DS-PT ngày 21/3/2011 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh (xác định điều kiện phát sinh); Án lệ số 39/2020/AL về xác định giao dịch dân sự có điều kiện vô hiệu do điều kiện không thể xảy ra (điều kiện phát sinh hay điều kiện có hiệu lực); Quyết định số 09/2022/DS-GĐT ngày 30/3/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (hệ quả khi xác định có điều kiện phát sinh, khi điều kiện không xảy ra).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (xuất bản lần thứ chín), Bản án số 7-10.

**Chủ đề 3 : Lừa dối trong giao kết hợp đồng**

**Nghiên cứu :**

- Điều 132 BLDS 2005, Điều 127 và Điều 387 BLDS 2015;
- Quyết định số 04/2010/KDTM-GĐT ngày 19/03/2010 của Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tối cao (nhận thức của nạn nhân); Quyết định số 521/2010/DS-GĐT ngày 19/8/2010 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao (hành vi lừa dối); Quyết định số 210/2013/DS-GĐT ngày 21/5/2013 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao (người bị lừa dối và thời hiệu yêu cầu tuyên vô hiệu); Bản án số 26/2011/KDTM-PT ngày 08/3/2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh (chủ thể được yêu cầu tuyên vô hiệu).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (xuất bản lần thứ chín), Bản án số 40-43, 48-49.

**Chủ đề 4 : Nhầm lẫn trong giao kết hợp đồng**

**Nghiên cứu:**

- Điều 4:103 Bộ nguyên tắc châu Âu về hợp đồng;
- Điều 3.4 đến 3.6 Bộ Nguyên tắc Unidroit về hợp đồng thương mại quốc tế;
- Điều 131 BLDS 2005, Điều 126 và Điều 387 BLDS 2015 (Việt Nam);
- Bản án số 207/2019/DSPT ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Bản án số 36/2019/DS-PT ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (*xác định sự tồn tại của nhầm lẫn*).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ chín*), Bản án số 44-47;

Đỗ Văn Đại (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ 4*), phần số 135.

### **Chủ đề 5 : Các loại hình thức bắt buộc của hợp đồng**

#### ***Nghiên cứu :***

- Điều 122, 124 và 401 BLDS 2005, Điều 119 BLDS 2015; Điều 67 Luật kinh doanh bất động sản và khoản 3 Điều 93 Luật nhà ở 2005;
- Bản án số 1023/2011/DS-PT ngày 24/08/2011 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh; Bản án số 08/2018/KDTM-PT ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp (*vấn bản*);
- Quyết định số 23/2008/DS-GĐT ngày 28/8/2008 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*công chứng/chứng thực, xem phần I*);
- Bản án số 537/2007/LĐ-ST ngày 05/4/2007 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Bản án số 20/2019/LĐ-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh (*xin phép*).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ chín*), Bản án số 87-99.

Đỗ Văn Đại (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ 4*), phần số 130 và 131.

### **Chủ đề 6 : Xử lý hợp đồng vi phạm hình thức bắt buộc**

#### ***Nghiên cứu :***

- Điều 134 và 401 BLDS 2005, Điều 129 và Điều 132 BLDS 2015;
- Án lệ số 55/2023/AL(xem *Chủ đề 2 Phần I*); Bản án số 11/2019/DS-PT ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Quyết định số 124/2021/DS-GĐT ngày 05/05/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh và Án lệ số 52/2021/AL (*vi phạm điều kiện đăng ký*);
- Bản án số 41/2011/DS-PT ngày 25/4/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 93/2018/DS-GĐT ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (*thời hiệu yêu cầu tuyên bố vô hiệu về hình thức*).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (xuất bản lần thứ chín), Bản án số 100-102 và 136-138.

Hoàng Thế Liên (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS năm 2005*, Tập II, Nxb. CTQG 2013, tr. 228 và tiếp theo; và các tài liệu liên quan khác (nếu có);

Đỗ Văn Đại (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức 2023 (xuất bản lần thứ 4), phần số 137 và tiếp theo.

### **Chủ đề 7 : Vi phạm điều cấm, trái đạo đức xã hội**

#### ***Nghiên cứu:***

- Điều 128, 476 BLDS 2005, Điều 123 BLDS 2015;
- Quyết định số 680/2011/DS-GĐT ngày 24/8/2011 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao; Bản án số 788/2018/DS-PT ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh; Quyết định số 05/2020/DS-GĐT ngày 16/01/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số 22/2017/KDTM-GĐT ngày 14/7/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*nguồn và nội hàm điều cấm*);
- Quyết định số 459/2009/DS-GĐT ngày 25/9/2009 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao; Bản án số 60/2014/KDTM-PT ngày 03/10/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh (*đạo đức xã hội*).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (xuất bản lần thứ chín), Bản án số 54-57 và 58-59;

Đỗ Văn Đại (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức 2023 (xuất bản lần thứ 4), phần số 127 và 128.

### **Chủ đề 8 : Giả tạo trong giao kết hợp đồng và tẩu tán tài sản bằng hợp đồng**

#### ***Nghiên cứu:***

- Điều 129 BLDS 2005, Điều 124 BLDS 2015;
- Quyết định số 35/2012/DS-GĐT ngày 27/7/2012 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định kháng nghị số 362/2012/KN-DS ngày 29/8/2012 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (*giao dịch trước khi có BLDS*);
- Quyết định số 26/2018/DS-GĐT ngày 19/11/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số 03/2020/DS-GĐT ngày 16/01/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*giả tạo để trốn thuế*);
- Quyết định số 234/2014/DS-GĐT ngày 10/06/2014 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số 259/2014/DS-GĐT ngày 16/06/2014 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số 52/2017/DS-GĐT ngày 07/07/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (*tẩu tán tài sản thông qua giao dịch*).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (xuất bản lần thứ chín), Bản án số 68-70 và 71-74.

### **Chủ đề 9 : Trường hợp khác về hợp đồng vô hiệu**

**Nghiên cứu :**

- Điều 127 và 411BLDS 2005; Điều 122, Điều 407 và 408 BLDS 2015;
- Quyết định số 212/2013/GĐT-DS ngày 21/5/2013 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số 20/2022/DS-GĐT ngày 22/8/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*do đối tượng không thể thực hiện được*);
- Bản án số 84/2013/DS-PT ngày 15/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Bản án số 150/2017/LH-PT ngày 08/09/2017 của Tòa án nhân dân TP. Hà Nội (*người xác lập không có khả năng nhận thức*).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ chín*), Bản án số 79-82 và 34-36;

Hoàng Thế Liên (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS năm 2005*, Tập II, Nxb. CTQG 2013, tr. 252-253; và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

**Chủ đề 10 : Phạm vi hợp đồng vô hiệu****Nghiên cứu :**

- Điều 135 và 410 BLDS 2005, Điều 130 và Điều 407 BLDS 2015;
- Quyết định số 289/2011/DS-GĐT ngày 21-04-2011 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số 22/2020/DS-GĐT/HĐTP ngày 23/4/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*vô hiệu một phần hay toàn bộ*);
- Quyết định số 62/2017/DS-GĐT ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (*chính/phụ vô hiệu*).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ chín*), Bản án số 103-106 và 107-109.

Hoàng Thế Liên (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS năm 2005*, Tập II, Nxb. CTQG 2013, tr. 250 và tiếp theo; và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

**Chủ đề 11 : Hậu quả hợp đồng vô hiệu****Nghiên cứu :**

- Điều 137 và 138 BLDS 2005; Điều 131 và 133 BLDS 2015;
- Quyết định số 36/2017/DS-GĐT ngày 07/09/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*giá tăng*); Bản án số 506/2013/DS-PT ngày 16/4/2013 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh (*giá giảm*); Bản án số 23/2017/DS-PT ngày 13/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (*bồi thường thiệt hại*);
- Quyết định số 26/2013/KDTM-GĐT ngày 13/08/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Bản án số 1052/2017/KDTM-PT ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Quyết định số 04/2010/KDTM-GĐT ngày 19/03/2010 của Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tối cao (*khôi phục tình trạng ban đầu, xem chủ đề 3*);



- Bản án số 15/2020/DS-PT ngày 14/2/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 34/2020/DS-GĐT ngày 14/7/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Bản án số 194/2020/DS-PT ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh (*người thứ ba ngay tình*).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ chín*), Bản án số 110 và tiếp theo;

Đỗ Văn Đại (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ 4*), phần số 141 và tiếp theo.

### **Chủ đề 12 : Đứng tên giùm mua bất động sản**

#### ***Nghiên cứu :***

- Quyết định số 27/2010/DS-GĐT ngày 08-07-2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*Án lệ số 02/2016/AL*);
- Quyết định số 61/2013/DS-GĐT ngày 11/06/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*người được ưu tiên nhận bằng hiện vật*).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ chín*), Bản án số 75-78.

### **Phần III: Vi phạm và chuyển giao hợp đồng**

\*\*\*\*\*

### **Chủ đề 1: Buộc tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng**

#### ***Nghiên cứu :***

- Điều 9, 302 và tiếp theo BLDS 2005, Điều 351-352, Điều 357 và 438 BLDS 2015;
- Bản án số 40/2019/DS-PT ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 13/2020/KDTM-GĐT ngày 03/9/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*phạm vi áp dụng biện pháp buộc tiếp tục thực hiện*);
- Bản án số 942/2012/KDTM-PT ngày 14/08/2012 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh; Bản án số 01/2012/KDTM-ST ngày 07/2/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Nam (*cơ chế đảm bảo hiệu quả của buộc tiếp tục thực hiện*).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ chín*), Bản án số 173-176 và 177-179.

Hoàng Thế Liên (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS năm 2005*, Tập II, Nxb. CTQG 2013, tr. 48 và tiếp theo; và các tài liệu liên quan khác (nếu có);

Đỗ Văn Đại (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ 4*), phần số 269.

### **Chủ đề 2: Bồi thường thiệt hại do không thực hiện đúng hợp đồng**

**Nghiên cứu :**

- Điều 302 đến 305/2005, Điều 360 và Điều 419 BLDS 2015;
- Bản án số 141/2011/DSPT ngày 22/07/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Bản án số 68/2008/KDTM-PT ngày 09/5/2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh; Án lệ số 21/2018/AL về lỗi và thiệt hại trong trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng cho thuê tài sản (*thiệt hại vật chất*);
- Bản án số 834/012/DS-ST ngày 18/6/2012 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh (*tổn thất tinh thần*);
- Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 05/13 HCM của Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (*xem Chủ đề 3 phía dưới*).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ chín*), Bản án số 180-183.

Hoàng Thế Liên (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS năm 2005*, Tập II, Nxb. CTQG 2013, tr. 48 và tiếp theo; và các tài liệu liên quan khác (nếu có);

Đỗ Văn Đại (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ 4*), phần số 273, 348 và 349.

**Chủ đề 3: Lãi chậm trả theo pháp luật****Nghiên cứu :**

- Điều 305, 474 2005; Điều 357 BLDS 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP (về lãi và phạt vi phạm hợp đồng);
- Bản án số 86/2013/DSPT ngày 29/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Án lệ số 09/2016/AL (*trường hợp làm phát sinh lãi chậm trả*);
- Quyết định số 102/2013/DS-GĐT ngày 14/8/2013 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao (*thời gian bắt đầu tính lãi*);
- Quyết định số 07/2014/KDTM-GĐT ngày 22/5/2014 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao (*tính liên tục của lãi*);
- Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 05/13 HCM của Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (*kết hợp lãi và bồi thường thiệt hại*).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật nghĩa vụ Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2020 (*xuất bản lần thứ tư*), Bản án số 75-78.

Hoàng Thế Liên (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS năm 2005*, Tập II, Nxb. CTQG 2013, tr. 53-55 và 419-422; và các tài liệu liên quan khác (nếu có);

Đỗ Văn Đại (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ 4*), phần số 275 và 276.

**Chủ đề 4: Phạt vi phạm hợp đồng và thỏa thuận lãi chậm trả****Nghiên cứu :**

- Điều 402, 422 BLDS 2005; Điều 418 BLDS 2015; Điều 292, 301 và 307 Luật thương mại sửa đổi;
- Bản án số 24/2016/DS-ST ngày 08/6/2016 của Tòa án nhân dân Quận 2 TP. Hồ Chí Minh; Bản án số 1162/2014/DS-PT ngày 10/9/2014 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh (*điều kiện áp dụng phạt vì phạm hợp đồng*) và Quyết định số 10/2020/KDTM-GĐT ngày 14/8/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*phân biệt thỏa thuận trước về mức bồi thường và phạt vì phạm*).
- Bản án số 01/2011/DSPT ngày 04/01/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 03/2009/KDTM-GĐT ngày 09/04/2009 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*mức lãi chậm trả theo thỏa thuận*).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật nghĩa vụ Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2020 (*xuất bản lần thứ tư*), Bản án số 75-78; Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ chín*), Bản án số 198 và tiếp theo.

Hoàng Thế Liên (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS năm 2005*, Tập II, Nxb. CTQG 2013, tr. 269 và tiếp theo; và các tài liệu liên quan khác (nếu có);

Đỗ Văn Đại (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ 4*), phần số 276.

#### **Chủ đề 5: Chấm dứt, hủy bỏ do không thực hiện đúng hợp đồng**

##### ***Nghiên cứu :***

- Điều 425 và 426 2005; Điều 422 và tiếp theo BLDS 2015;
- Bản án số 09/2007/DSST ngày 09/02/2007 của Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; Quyết định số 1975/2009/QĐPT-DS ngày 25/9/2009 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh (*căn cứ đơn phương chấm dứt hợp đồng*);
- Bản án số 14/2010/DSPT ngày 20/01/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đak Lak; Bản án số 98/2018/DS-PT ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Bản án số 73/2015/DSPT ngày 20/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; Án lệ số 43/2021/AL (*căn cứ hủy bỏ hợp đồng*);
- Quyết định số 91/2014/QĐDS-GĐT ngày 20/8/2014 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh ; Quyết định số 03/2014/KDTM-GĐT ngày 09/01/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*xem chủ đề số 2 Phần I*); Quyết định số 04/2014/KDTM-GĐT ngày 17/04/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Bản án số 02/2015/DS-ST ngày 20/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh tỉnh Phú Yên (*hệ quả của chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng*).

**Đọc :** Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (*xuất bản lần thứ chín*), Bản án số 216 và tiếp theo.

Hoàng Thế Liên (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS năm 2005*, Tập II, Nxb. CTQG 2013, tr. 274 và tiếp theo; và các tài liệu liên quan khác (nếu có);

Đỗ Văn Đại (chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức 2023 (xuất bản lần thứ 4), phần số 351 và tiếp theo.

### **Chủ đề 6: Chuyển giao hợp đồng**

*Nghiên cứu :*

- Quyết định số 355/2013/DS-GĐT ngày 28/8/2013 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao; Bản án số 70/2012/DS-ST ngày 19/7/2012 của Tòa án nhân dân Q. Thủ Đức TP. Hồ Chí Minh (theo thỏa thuận và theo pháp luật).

*Đọc :* Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam-Bản án và Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức 2023 (xuất bản lần thứ chín), Bản án số 270-273.

**7. Học liệu:** Xem tài liệu cần nghiên cứu đã được nêu chi tiết cho từng nội dung ở trên (mục 6).

### **8. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá**

a. Đánh giá thường xuyên:

- Kiểm diện
- Minh chứng tham gia seminar, làm việc nhóm, bài tập nhỏ.

b. Đánh giá định kỳ

Tiểu luận	40%
Bài thi cuối kỳ	60%